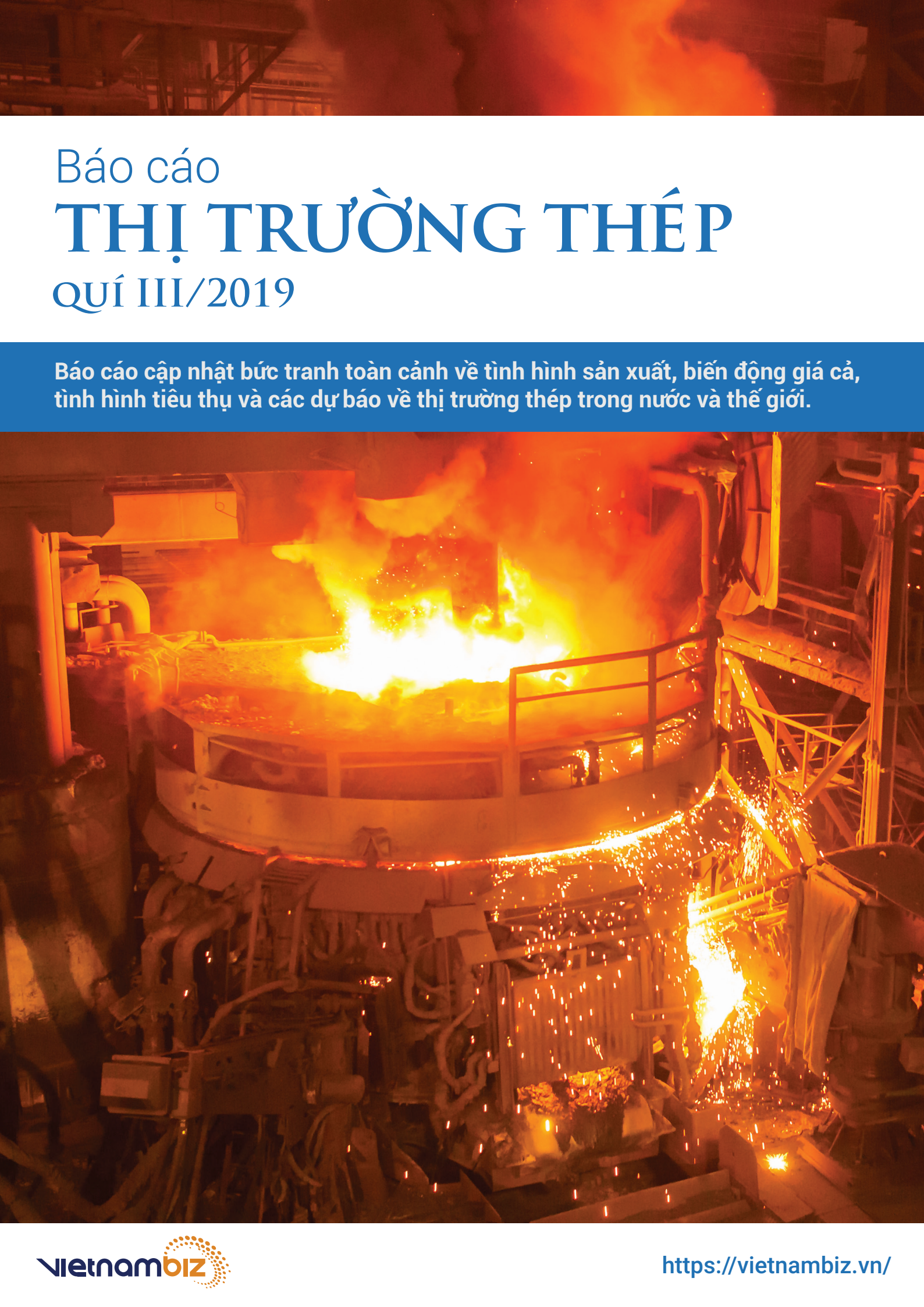




Báo cáo THỊ TRƯỜNG THÉP QUÍ III/2019

Báo cáo cập nhật bức tranh toàn cảnh về tình hình sản xuất, biến động giá cả, tình hình tiêu thụ và các dự báo về thị trường thép trong nước và thế giới.

MỤC LỤC

PHẦN 1:

THỊ TRƯỜNG THÉP CỦA THẾ GIỚI.....03

1. Cung cấp thép toàn cầu.....04
2. Sản lượng thép toàn cầu.....04
3. Tình hình xuất nhập khẩu.....06
4. Diễn biến giá.....07
5. Một số tập đoàn sản xuất thép lớn nhất thế giới..10

PHẦN 2:

THỊ TRƯỜNG THÉP VIỆT NAM.....12

1. Sản lượng thép Việt Nam.....13
2. Diễn biến giá.....14
3. Tình hình xuất nhập khẩu.....14
 - a. Xuất khẩu.....14
 - b. Nhập khẩu.....14

PHẦN 3:

DỰ BÁO.....15

PHẦN 4:

CHÍNH SÁCH.....19

PHẦN 5:

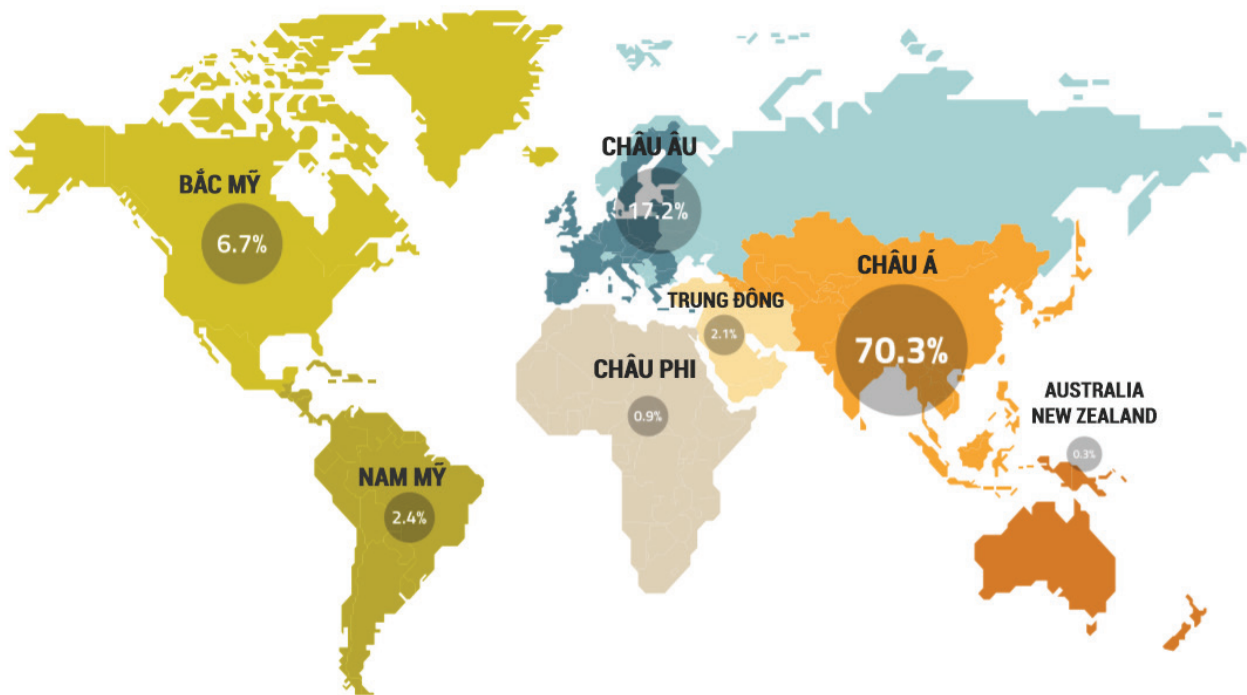
TÌNH HÌNH KINH DOANH CỦA CÁC DOANH NGHIỆP VIỆT NAM.....23

PHỤ LỤC.....26

Phần 1

THỊ TRƯỜNG THÉP CỦA THẾ GIỚI





Biểu đồ 1: Sản lượng thép theo vùng năm 2018 (Nguồn: World Steel)

1. Cung cầu thép toàn cầu

Sản lượng thép của Trung Quốc tăng trưởng trở lại, thúc đẩy nhu cầu và giá cả đối với nguyên liệu thô trong tháng 9. Tuy nhiên, giá quặng sắt giảm trở lại vào cuối tháng dù vẫn cao hơn một tháng trước.

Thị trường thép thành phẩm rơi vào xu hướng giảm giá. Nhu cầu thấp ở Ấn Độ buộc các nhà cung cấp trong nước tăng quy mô xuất khẩu. Doanh số bán hàng tăng lên khiến cạnh tranh khó khăn và giá giảm đáng kể tại một số nơi ở châu Á.

Dù vậy, dự báo giá có thể phục hồi trong tháng tới nhờ nhu cầu trong nước tăng lên vào cuối năm.

Thị trường thép thành phẩm thu hẹp ở Mỹ và Nhật Bản tiếp tục gây áp lực đáng kể đối với các nhà xuất khẩu thép phế liệu. Nhu cầu thép dài vẫn trì trệ ở các quốc gia thuộc Hội đồng Hợp tác vùng Vịnh (GCC), Bắc Phi và Thổ Nhĩ Kỳ.

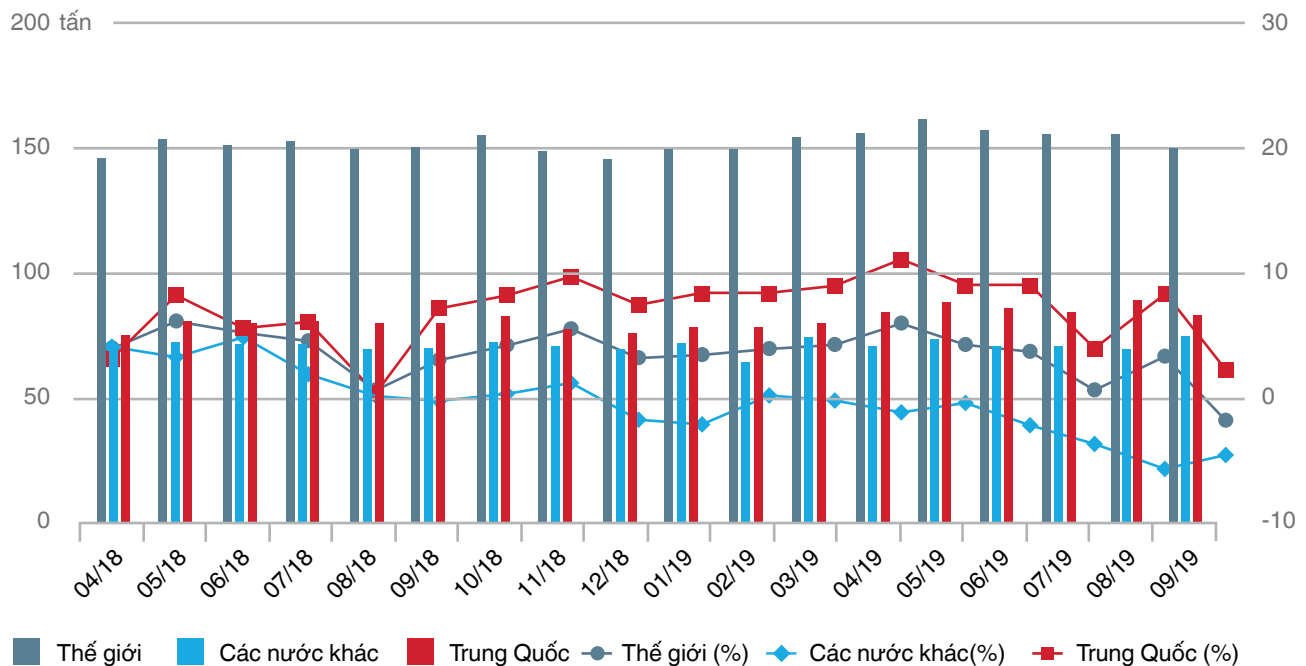
GCC - Liên minh chính trị và kinh tế của tất cả các quốc gia Ả Rập ở Vịnh Ba Tư ngoại trừ Iraq.

Các nhà cung cấp phải hạ giá thép phế liệu liên tiếp trong tháng 8 và 9. Chỉ có thị trường bất động sản Thổ Nhĩ Kỳ và Ả Rập Saudi đang thể hiện sự lạc quan thận trọng. Tuy nhiên, nếu không có những động lực đáng kể, xu hướng tăng khó có thể giải quyết vấn đề vì tình hình kinh tế khu vực nhìn chung vẫn khá yếu.

Lợi nhuận của các nhà cung cấp phôi thép ở Nga, Ucraina và một số nơi khác đã tiến gần đến điểm hòa vốn vào đầu tháng 10 và yếu tố này sẽ hỗ trợ giá không giảm thêm nữa.

2. Sản lượng thép toàn cầu

Lũy kế 9 tháng đầu năm, sản lượng thép thô thế giới đạt gần **1,4 tỉ tấn**, tăng 4% so với cùng kỳ năm trước. Trong đó, châu Á đạt hơn **1 tỉ tấn**, tăng trưởng 6,3%; khu vực châu Âu (EU) đạt hơn 122 triệu tấn, giảm 2,8%; Bắc Mỹ ghi nhận trên 90 triệu tấn, tăng 0,3%; khu vực CIS (Cộng đồng các quốc gia độc lập) đạt 76 triệu tấn, giảm nhẹ so với cùng kỳ.



Biểu đồ 2: Tháng 9, sản lượng thép thô thế giới của 64 quốc gia đạt 151,5 triệu tấn, giảm không đáng kể so với tháng 8 và giảm 0,3% so với cùng kỳ năm ngoái (Nguồn: WorldSteel)

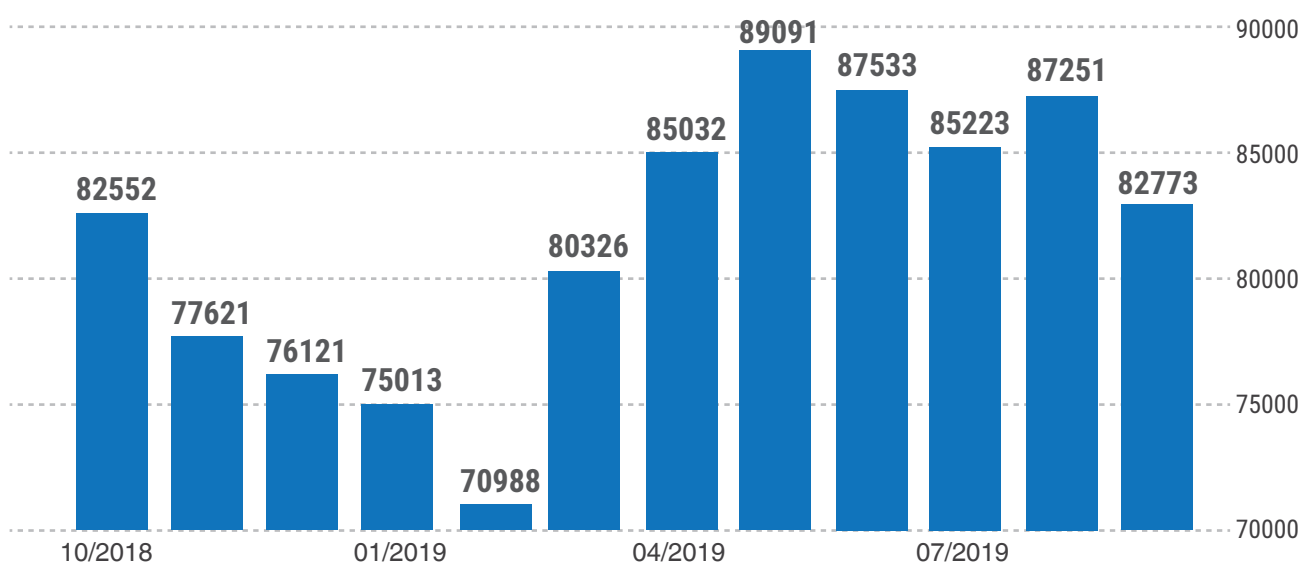
Cộng đồng các quốc gia độc lập (CIS - Commonwealth of Independent States) là tổ chức khu vực bao gồm các quốc gia thành viên cũ của Liên bang Cộng hòa Xã hội Chủ nghĩa Xô Viết thành lập ngày 8/12/1991.

CIS được sáng lập bởi 3 nước là Belarus, Nga và Ucraina. Đến ngày 21/12/1991, có thêm 8 nước cộng hòa khác thuộc Liên Xô cũ là Azerbaijan, Armenia, Kazakhstan, Kyrgyzstan, Moldova, Tajikistan, Turkmenistan, Uzbekistan

gia nhập CIS.



Trung Quốc: Sản lượng thép thô của Trung Quốc trong tháng 8 đạt **82,8 triệu tấn**, tăng 2,2% so với cùng kỳ năm trước. Lũy kế 9 tháng đầu năm, sản lượng gang đạt **612 triệu tấn**, tăng 6,3% so với cùng kỳ năm ngoái, thép thô ghi nhận 748 triệu tấn. Sản lượng thép cuộn trong nước tăng 10,6%, đạt 909 triệu tấn.



Biểu đồ 3: Sản lượng thép Trung Quốc từ tháng 10/2018 đến hết tháng 9/2019 (Đơn vị: triệu tấn - Nguồn: World Steel)



Mỹ: Sản lượng thép thô cả nước đạt **7,1 triệu tấn**, giảm 2,5% so với cùng kỳ năm trước.



Ấn Độ: Tháng 9, tổng lượng thép thô đạt **9 triệu tấn**, tăng 1,6% so với cùng kỳ.



Nhật Bản: Sản xuất **8 triệu tấn** thép thô trong tháng 9, giảm 4,5% so với cùng kỳ.



Hàn Quốc: Sản lượng thép thô tháng 9 đạt **5,7 triệu tấn**, giảm 2,7%.



Nga: Sản lượng thép thô tháng 9 đạt **5,6 triệu tấn**, giảm 5% so với tháng trước.



Brazil: Sản lượng thép thô tháng 9 đạt **2,4 triệu tấn**, giảm 22% so với cùng kỳ.



Ukraine: Sản lượng thép thô tháng 8 tại Ukraine là **1,7 triệu tấn**, giảm 2,3% so với cùng kỳ.



EU: Đức sản xuất **3,4 triệu tấn** thép thô, giảm 4% so với cùng kỳ năm trước. Trong khi đó, sản lượng của Italia đạt 2,2 triệu tấn, tăng 1,1% so với cùng kỳ. Pháp sản xuất 1,2 triệu tấn, giảm 10,2%. Tây Ban Nha sản xuất 1,2 triệu tấn, giảm 1%.

3. Tình hình xuất nhập khẩu

Các quốc gia xuất khẩu thép lớn nhất



Trung Quốc: Tháng 9, xuất khẩu thép chỉ đạt **5,3 triệu tấn**, giảm 620.000 tấn (10,4%) so với cùng kỳ năm trước. Lũy kế 9 tháng đầu năm, xuất khẩu thép giảm 5%, đạt **50,3 triệu tấn**.

Đơn vị: 10.000 tấn	9/2019	8/2019	9/2018	So với năm trước		So với tháng trước	
				Thay đổi	% Thay đổi	Thay đổi	% Thay đổi
Nhập khẩu	111,3	97,4	120,4	-9,1	-7,6	13,9	18,1
Xuất khẩu	533	500,6	595	-62	-10,4	32,4	10
Xuất khẩu ròng	421,7	403,2	474,6	-52,9	-11,1	18,5	8,1
Nhập khẩu quặng sắt	9935,5	9484,8	9347,1	588,4	6,3	450,7	8,2
Giá (trung bình) quặng sắt nhập khẩu (USD/tấn)	103,3	115	70,5	32,8	46,5	-11,7	
Xuất khẩu than cốc	39,4	44,1	53,1	-13,7	-25,8	-4,7	-7,7
Giá (trung bình) xuất khẩu than cốc (USD/tấn)	254,1	273	299,4	-45,3	-15,1	-18,9	

Đơn vị: 10.000 tấn	1 - 9/2019	1 - 9/2018	Thay đổi	% thay đổi
Nhập khẩu	875,1	996,6	-121,5	-12,2
Xuất khẩu	5030,5	5297,8	-267,3	-5
Xuất khẩu ròng	4155,4	4301,2	-145,8	-3,4
Nhập khẩu quặng sắt	78413,6	80314,8	-1901,2	-2,4
Giá (trung bình) quặng sắt nhập khẩu (USD/tấn)	96,1	70	26,1	37,3
Xuất khẩu than cốc	516,4	692,4	-176	-25,4
Giá (trung bình) xuất khẩu than cốc (USD/tấn)	285,7	302,3	-16,6	-5,5

Bảng 1: Dữ liệu xuất nhập khẩu thép của Trung Quốc tháng 9 và lũy kế 9 tháng đầu năm (Nguồn: SteelHome - Đơn vị: 10.000 tấn)



Nhật Bản: Tháng 8, tổng xuất khẩu thép đạt **hơn 3 triệu tấn**, tăng nhẹ so với tháng trước. Trong đó, xuất

khẩu thép sang Ấn Độ tăng 43% so với cùng kì, đạt 137.800 tấn. Lũy kế 9 tháng, Nhật Bản xuất khẩu hơn 22,3 triệu tấn.



Hàn Quốc: Xuất khẩu thép đến hơn 150 quốc gia. Trong 6 tháng đầu năm, quốc gia này đã xuất khẩu gần

15 triệu tấn thép, giảm 3% so với cùng kì. Thép chiếm khoảng 4,3% tổng lượng hàng hóa Hàn Quốc xuất khẩu trong năm 2018.

Các quốc gia nhập khẩu thép lớn nhất



EU: Tháng 8/2019, nhập khẩu quặng sắt của EU giảm xuống mức thấp nhất 10 năm. Tổng quặng sắt nhập khẩu trong tháng đạt **7,4 triệu tấn**, giảm 6,8% so với tháng 7 và 23,7% so với cùng kì năm ngoái.

Brazil, nhà xuất khẩu quặng sắt lớn nhất của EU trong một thời gian dài bị Canada vượt lên trong tháng 8 với lượng nhập khẩu gần **2 triệu tấn**, giảm 1,5% so với tháng trước, nhưng tăng 4,4% so với cùng kì năm ngoái.

Nhập khẩu từ Brazil khoảng **1,95 triệu tấn**, giảm 7,6% so với tháng trước và giảm 56% so với cùng kì năm ngoái; nhập khẩu từ Ukraine hơn 1 triệu tấn, giảm 10,5% so với tháng trước và giảm 30,2% so với cùng kì năm ngoái.



Mỹ: Viện Sắt thép Mỹ (AISI) công bố nhập khẩu gần **1,9 triệu tấn** thép trong tháng 9, bao gồm hơn 1,5 tấn

thép thành phẩm, tăng gần 15% so với tháng 8. Trong 9 tháng đầu năm, tổng nhập khẩu và thép thành phẩm đạt tương ứng 22,5 triệu tấn và 16,8 triệu tấn, giảm lần lượt 14% và 16% so với cùng kì năm ngoái.

Ước tính, tổng lượng nhập khẩu và thép thành phẩm năm 2019 đạt lần lượt 30 triệu tấn và 22,5 triệu tấn, giảm 10,7% và 12,5% so với năm ngoái. Thị phần nhập khẩu thép thành phẩm ước tính khoảng 18% trong tháng 9 và 20% trong 9 tháng đầu năm.



Hàn Quốc, Indonesia và Nhật Bản:

chiếm 70% tổng lượng thép nhập khẩu của Ấn Độ trong tháng 8. Ngoài ra, Indonesia là nhà cung cấp thép không gỉ lớn cho Ấn Độ trong vài tháng qua.

Hàn Quốc là nhà xuất khẩu thép lớn nhất sang Ấn Độ vào tháng 8 với 318.000 tấn. Đáng chú ý, Indonesia cũng xuất khẩu 143.000 tấn, tăng mạnh so với 20.000 tấn cùng kì năm ngoái.

Trong khi đó, xuất khẩu thép từ Trung Quốc sang Ấn Độ đã giảm 8,2% xuống 129.100 tấn trong tháng 8. Tổng nhập khẩu thép của **Ấn Độ** trong tháng 8 đã tăng 27,5% lên mức 850.000 tấn.

Ấn Độ nhập khẩu chủ yếu thép cuộn cán nóng của Hàn Quốc và Nhật Bản từ tháng 4 đến tháng 7. Các nhà sản xuất ô tô Nhật Bản và Hàn Quốc có trụ sở tại Ấn Độ thường mua thép từ những nước này.

Ngày 7/4, Bộ thương mại Ấn Độ đã mở cuộc điều tra thuế chống bán phá giá đối với việc nhập khẩu các sản phẩm thép không gỉ cán phẳng từ 14 quốc gia, trong đó có Trung Quốc, Nhật Bản, Hàn Quốc và Indonesia.

Nhật Bản: Tổng lượng thép nhập khẩu tháng 8 đạt **639.056 tấn**

4. Diễn biến giá



Trung Quốc: Giá nguyên liệu luyện thép của Trung Quốc giảm nhẹ trong tháng 9. Trong đó, giá quặng sắt nhập khẩu tăng nhẹ, giá quặng sắt trong nước và than cốc giảm.

Tại thị trường HRC, giá thị trường thép cuộn cán nóng (HRC) biến động nhẹ. Nguồn cung chỉ tăng nhẹ sau kì nghỉ lễ Quốc khánh (1/10) do nhiều nhà máy thép đóng cửa dây chuyền sản xuất HRC kể từ giữa tháng 9.

Các ngành công nghiệp hạ nguồn của Trung Quốc cũng diễn biến trái chiều. Cụ thể sản lượng và doanh số bán ô tô sụt giảm, tuy nhiên, ngành đóng tàu tăng trưởng tích cực trong 8 tháng đầu năm.

Khu vực	Nhà sản xuất	Sản phẩm	Kích thước	Loại	Tăng/Giảm(Bao gồm thuế)	Giá điều chỉnh (sau thuế)
Phía Tây	Xinyu Steel	HRC	5,75mm*1500*C	Q235	20	4120
	Rizhao Steel	HRC	4,75mm*1500*C	Q235	-40	3590
	Shagang	HRC	5,75mm*1500*C	Q235	-320	3780
	Shandong Shengyang	HRC	5,75mm*1500*C	Q235B	20	3780
	Taishan Steel	HRC	4,75mm*1500*C	SS400	-150	3950
	Ningbo Steel	HRC	5,75mm*1500*C	Q235	-100	3900
	Baosteel	HRC	5,75mm*1500*C	SS400	-113	4985,56
Phía Bắc	Shougang	HRC	5,75mm*1500*C	SS400	-113	4881,6
	Taiyuan Steel	HRC	5,75mm*1500*C	SS400	0	5141,5
	HBIS Group	HRC	5,5mm*1500*C	Q235	0	5650
Đông Bắc	Ansteel	HRC	5,75mm*1500*C	Q235	0	4802,5
	Benxi Steel	HRC	5,75mm*1500*C	Q235	0	4599,1
Trung Nam	Lianyuan Steel	HRC	5,75mm*1500*C	SS400	-10	4030
	Liuzhou Steel	HRC	5,75mm*1500*C	SS400	60	4020
Tây Bắc	Bayi Steel	HRC	5,75mm*1500*C	Q235B	0	4300
	Jiuquan Steel (Lanzhou)	HRC	5,75mm*1500*C	Q235	90	3830
	Jiuquan Steel (Urumqi)	HRC	5,75mm*1500*C	Q235	40	3950
Tây Nam	Pangang	HRC	5,75mm*1500*C	Q235	0	4621,7
	Pangang (Kunming)	HRC	5,75mm*1500*C	Q235	-20	4180
	Pangang (Chongqing)	HRC	5,75mm*1250*C	Q235	-130	4035
	Chongqing Steel	HRC	5,75mm*1500*C	Q235B	-250	4200

Bảng 2: Giá xuất xưởng HRC của các nhà sản xuất thép Trung Quốc trong tháng 9 (Nguồn: SteelHome - Đơn vị: nhân dân tệ/tấn)

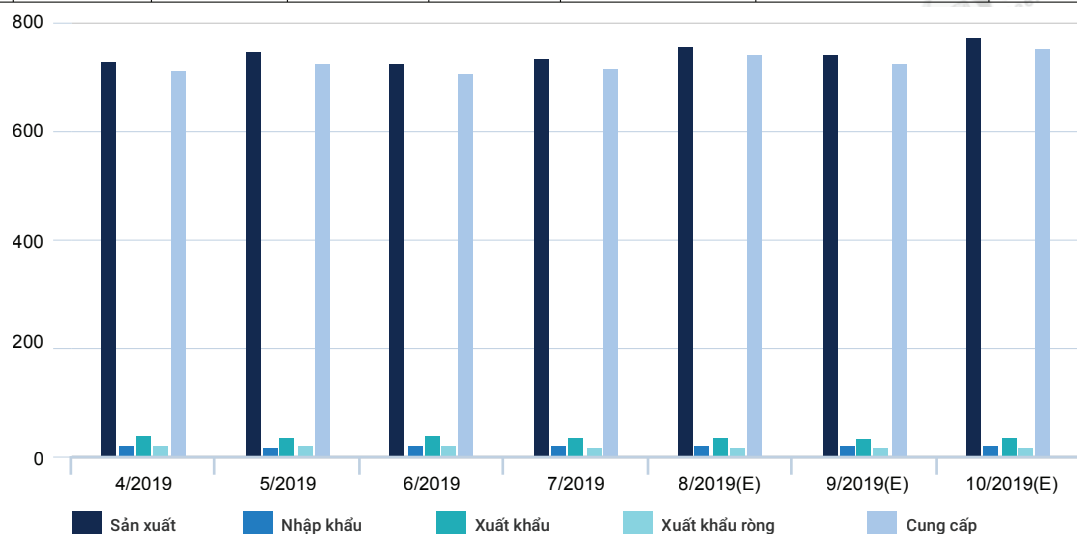
Trung Quốc đã sản xuất 157,8 triệu tấn trong 8 tháng đầu năm, tăng trên 8% so với cùng kỳ năm ngoái. Trong đó, sản lượng riêng tháng 8 đạt 20,7 triệu tấn, tăng gần 3%.

Theo dữ liệu từ Hải quan Trung Quốc, xuất khẩu HRC đạt hơn 6,5 triệu tấn trong 8 tháng đầu năm, giảm gần 1 triệu tấn (13%) so với cùng kỳ năm ngoái, nhập khẩu hơn 1,6 triệu tấn, giảm 20%.

Dự kiến sản lượng HRC đạt 20,6 triệu tấn trong tháng 10, xuất khẩu khoảng 750.000 tấn và nhập khẩu 250.000 tấn.

Theo thống kê từ SteelHome, hàng tồn kho HRC tại các thị trường và cảng lớn của Trung Quốc đạt 2,5 triệu tấn vào ngày 26/9, giảm 184.800 tấn (6,7%) so với dự kiến trước đó.

CRC	April, 2019	May, 2019	June, 2019	July, 2019	August, 2019 (E)	September, 2019 (E)	October, 2019 (E)
Output	728.2	744.5	723.6	732.4	755.2	740	770
Import	19.2	16.3	18	18.5	18	18	18
Export	37.6	36.4	36.8	35.9	35	33	35
Net export	18.4	20	18.8	17.4	17	15	17
Supply	709.8	724.5	704.7	715	738.2	725	753



Biểu đồ 4: Lượng xuất nhập khẩu thép CRC dự kiến đến hết tháng 10 (Nguồn: SteelHome - Đơn vị: nhân dân tệ/tấn)

Tại thị trường CRC, giá thép cuộn cán nguội (CRC) tăng nhẹ trong tháng 9. Giá CRC 1mm trong nước đạt trung bình 4.389 nhân dân tệ/tấn, tăng 34 NDT so với cuối tháng trước. Các nhà máy thép lớn đã phục hồi sản xuất kể từ tháng 9, bổ sung nguồn cung cho thị trường.

Các nhà máy thép lớn tăng hoặc duy trì giá bán CRC của họ không thay đổi trong tháng Chín. Trong số đó, Shougang, Ansteel, Angang Tiantie và Pangang vẫn giữ nguyên giá bán CRC của họ. Trong khi đó, Baosteel, Benxi Steel, Lianyuan Steel, Liuzhou Steel và Taishan Steel đã tăng giá thêm 20-113 nhân dân tệ / tấn.

Hàng tồn kho CRC đạt khoảng 1,4 triệu tấn vào ngày 26/9, tăng 0,3% so với tháng trước. Nhu cầu CRC vẫn cơ bản ổn định. Tuy nhiên, các nhà máy thép lớn đã dần nối lại dây chuyền sản xuất CRC của họ. Dự kiến hàng tồn kho của thị

trường CRC sẽ tăng nhẹ trong tháng 10.

Nguồn cung CRC trong 8 tháng đầu năm đạt trên 56 triệu tấn, tăng 2,2% so với cùng kì, riêng tháng 8 trên 7 triệu tấn, tăng 3,3%.

Tại thị trường thép không gỉ, giá trong nước tăng nhẹ. Giá thép không gỉ 300 series và 400 series tăng mạnh trong khi 200 series ổn định. Tính đến cuối tháng 9, tổng tồn kho thép không gỉ tại thị trường Vô Tích và Phạt Sơn là 0,6 triệu tấn, tăng nhẹ so với tháng trước.

Thông thường, nhu cầu về thép không gỉ tăng cao trong tháng 10. Thông thường, các ngành công nghiệp hạ nguồn sẽ tích lũy hàng tồn kho trước và sau kì nghỉ lễ Quốc khánh Trung Quốc (1/10). Giá Niken tăng mạnh, hỗ trợ tích cực cho giá thép không gỉ.

Market	Product	Grade	Spec	25 September 2019	26 August 2019	Up/down
Wuxi	CR SS coil	304/2B	0,6mm	16750	16000	750
	CR SS coil	304/2B	2,0mm	16100	15350	750
	CR SS coil	430/2B	2,0mm	8200	7900	300
	HR SS coil	304/NO.1	6,0mm	15100	14250	850
	HR SS medium plate	304/NO.1	10,0mm	15800	14950	850
Foshan	CR SS coil	304/2B	0,6mm	17000	16300	700
	CR SS coil	304/2B	2,0mm	16100	15400	700
	CR SS coil	201/2B	2,0mm	8050	8100	-50
	HR SS coil	304/NO.1	3,0mm	15200	14400	800
	CR SS coil	430/2B	2,0mm	8150	8050	100

Cuộn 304 CR SS, cuộn 430 CR SS và tấm loại trung bình 304 HR SS được sản xuất bởi TISCO; cuộn 304 HR SS được sản xuất bởi Eastern Special Steel; cuộn CR SS 201 được sản xuất bởi LISCO.

Bảng 3: Giá thép không gỉ Trung Quốc tính đến hết tháng 9 (Nguồn: SteelHome - Đơn vị: nhân dân tệ/tấn)

Theo thu thập sơ bộ được bởi SteelHome, các nhà máy thép hàng đầu (bao gồm TISCO, Tập đoàn Tsingshan, Beihai Chengde, Baosteel, Desheng, ZPSS, Angang LISCO, Jiuquan Steel, Taishan Steel, East Special Steel, Fuxin Special Steel, Jiangsu DeLong Nickel Industry, Guangqing Metal Technology) sẽ hạn chế sản xuất vào tháng 10.



Mỹ: Giá HRC ở mức 549 USD/tấn, chỉ tăng 46,75 USD/tấn so với mức đầu tháng 7 khi giá ở mức thấp nhất kể từ năm 2016. Việc các nhà máy đẩy giá tăng trong tháng 6 và tháng 7 đã giúp giá giao ngay tăng trở lại mức 600,5 USD/tấn nhưng nhu cầu không tăng đủ để duy trì mức giá này. Do thiếu

hoạt động giao ngay và giá phế liệu suy yếu, giá cuộn thép của Mỹ có khả năng giảm thấp hơn trong tháng tới.

Tại châu Á, giá HRC giảm do tình hình suy yếu mặc dù các nhà máy Trung Quốc giữ giá ổn định cho thị trường xuất khẩu. HRC SS400 là 460 USD/tấn theo giá FOB Trung Quốc vào ngày 17/9 và 467 USD/tấn trên cơ sở CFR Đông Nam Á. Giá HRC giao ngay trong nước có khả năng dao động quanh mức giá hiện tại, trong khi xuất khẩu không có khả năng giành được nhiều giao dịch do cạnh tranh từ Ấn Độ.

Thép phế và Nguyên liệu thô: Giá sắt phế liệu đã lao dốc trong 5 tuần liên tiếp cho đến giữa

tháng 9, tiến gần hơn tới đà giảm mạnh của giá thép kể từ giữa năm 2018.

Giá giao ngay phổ liệu HMS I/ II 80:20 CFR Thổ Nhĩ Kỳ giảm 136,5 USD/tấn từ mức đỉnh điểm tháng 3/2018, vào ngày 12/9 giá là 239,5 USD/ tấn.

Tại Mỹ, giá thép phổ liệu giảm 30 – 40 USD/tấn trong tuần đầu tháng. Giá phổ liệu vận bình quân tháng giảm xuống 245 USD/tấn vào ngày 16/9.

Giá quặng sắt biến động: Giá quặng sắt đường biển (quặng cám 62% Fe) dao động khoảng 88 -100 USD/tấn từ ngày 1 đến ngày 19/9, khó để đánh giá hướng giá. Nguồn cung quặng Pilbara Blend đã trở nên dồi dào hơn và giao dịch sẽ chậm lại trong kỳ nghỉ lễ của Trung Quốc. Phần lớn sẽ phụ thuộc vào các thông báo xung quanh việc cắt giảm sản lượng mùa đông của Trung Quốc và tâm lý thị trường sau đó.

Các thương nhân Trung Quốc cho biết họ đủ tự tin vào thị trường để tăng hàng nhập khẩu, trong khi trước đó họ thích mua khối lượng nhỏ hơn từ các kho cảng.

Biên lợi nhuận thép cải thiện trong tháng 9, đáng chú ý là doanh số cuộn cán nóng trong nước, một phần nhờ các nhà máy đang sản xuất thép với nguyên liệu thô có giá thấp hơn.

5. Một số tập đoàn sản xuất thép lớn nhất thế giới

Arcelor Mittal: Giá thép tiếp tục suy yếu có thể đẩy tỉ suất lợi nhuận nửa cuối năm 2019 của nhà sản xuất thép lớn nhất thế giới xuống mức thấp trong nhiều năm.

Giá thép cuộn cán nóng của Mỹ giảm 26% trong 10 tháng đầu năm nay. Các nhà sản xuất Bắc Mỹ như Arcelor Mital, Nucor và Steel Dynamics sẽ gặp khó khăn trong việc giữ giá. Tương tự, giá thép cán nóng tại Đức cũng mất 17% và tốc độ suy yếu khá nhanh. Với các nền kinh tế chủ chốt ở châu Âu như Đức bị suy yếu, xu hướng nhu cầu trong ngắn hạn chưa thực sự rõ ràng.

cho rằng EU khởi động đánh thuế carbon các công ty nước ngoài gây ô nhiễm là bước quan trọng cho phép ngành công nghiệp giới thiệu công nghệ carbon thấp và thỏa mãn Hiệp định Paris về biến đổi khí hậu.

Baowu Steel Group: 9 tháng đầu năm, Tập đoàn thép lớn nhất Trung Quốc ghi nhận **lợi nhuận ròng hơn 1,3 tỉ USD**, giảm 44% trong năm dù sản xuất ổn định. Trong kì, Baowu sản xuất 11,8 triệu tấn gang và 12,4 triệu tấn thép thô.

Nippon Steel & Sumitomo Metal Corporation (NSSMC): Đầu tháng 10, Tập đoàn sản xuất thép lớn thứ ba thế giới cho biết sẽ đình chỉ hoạt động hai nhà máy thép hợp kim trong nhiều tháng (phục vụ cho sản xuất ô tô) do cơn bão hồi tháng 9 và một vụ cháy nhà máy buộc phải đóng cửa. Cụ thể, nhà máy Kimitsu mất khoảng 6 tháng và Kure khoảng 10 tháng để phục hồi trở lại.

Dự kiến, việc này sẽ gây **tổn thất cho Nippon vài chục tỉ Yên**. Đại diện phát ngôn của Toyota cho biết, họ không mong đợi bất kì tác động nào đối với sản xuất ô tô của mình. Tuy nhiên, Toyota bắt đầu tìm nguồn sản phẩm thép hợp kim từ các nhà sản xuất khác.

Tập đoàn gang thép Hà Bắc (HBIS): Ngày 25/7, HBIS Group Serbia Iron & Steel (công ty con) cho biết sẽ đầu tư khoảng **108 triệu EUR** để xây dựng một nhà máy “thieu kết” mới (nén vật liệu mà không nung chảy đến điểm hóa lỏng), giúp Zelezara Smederevo thành một nhà máy thép thông minh và tiết kiệm năng lượng hàng đầu châu Âu.

Tập đoàn Gang thép Pohang /POSCO: Kết quả kinh doanh quý III của các công ty con thuộc Posco tại Đông Nam Á đều suy giảm. Cụ thể, doanh thu của Krakatau POSCO (Indonesia) giảm gần 9% xuống 400 triệu USD do bảo trì lò cao và giá bán giảm. Theo đó, **công ty phải chịu lỗ 6 triệu USD**, trong khi quý II lãi 15 triệu USD. Doanh số sản phẩm thép giảm 7,5% so với cùng kì, đạt 713.000 tấn.

Doanh thu của Posco Việt Nam cũng giảm 13,6% còn 108 triệu USD, doanh số bán thép giảm 7,5% còn 196.000 tấn do cạnh tranh trong nước tăng cao.

Đầu tháng 10, Posco cho biết đã sản xuất hơn **1 tỉ tấn thép thô**, kể từ năm 1973. Khối lượng này tương đương với vật liệu cần thiết để sản xuất 1 tỉ chiếc ô tô hạng trung hoặc 20.000 căn

hộ của tòa tháp Lotte, tòa nhà chọc trời cao nhất quốc gia ở Seoul. Năm ngoái, sản lượng thép thô của Tập đoàn đã tăng lên **37,7 triệu tấn**, cung cấp thép cho 4 triệu ô tô và cung cấp 7,7 triệu trọng tải bù cho đóng tàu.

Các nhà máy thép Posco's Pohang và

Gwangyang là nhà sản xuất thép thô lớn nhất thế giới, cung cấp thép tấm số lượng lớn, thép mạ hợp kim cho các dự án năng lượng mặt trời, thép hàm lượng mangan (Mn) cao và thép niken 9% cho các ngành công nghiệp chính trong và ngoài nước.

The Roadmap to One Billion POSCO

Year	Annual sales	Cumulative steel production (tons)	Landmark achievement
2019	31,100*	ONE BILLION	Korea's 1 st Global Lighthouse Factory
2017	28,544	900 MIL.	10 Billion Dollar Export Tower Award
2011	39,172	700 MIL.	Pohang No.1 blast furnace National Economic Treasure No. 1
2005	21,695	500 MIL.	Listed on DJSI sustainable mgmt.
1998	11,138	300 MIL.	
1994	7,314	200 MIL.	1 st Korean company listed on NYSE
1989	4,364	100 MIL.	
1973	41.6	450k	1st tapping of Pohang No.1 blast furnace

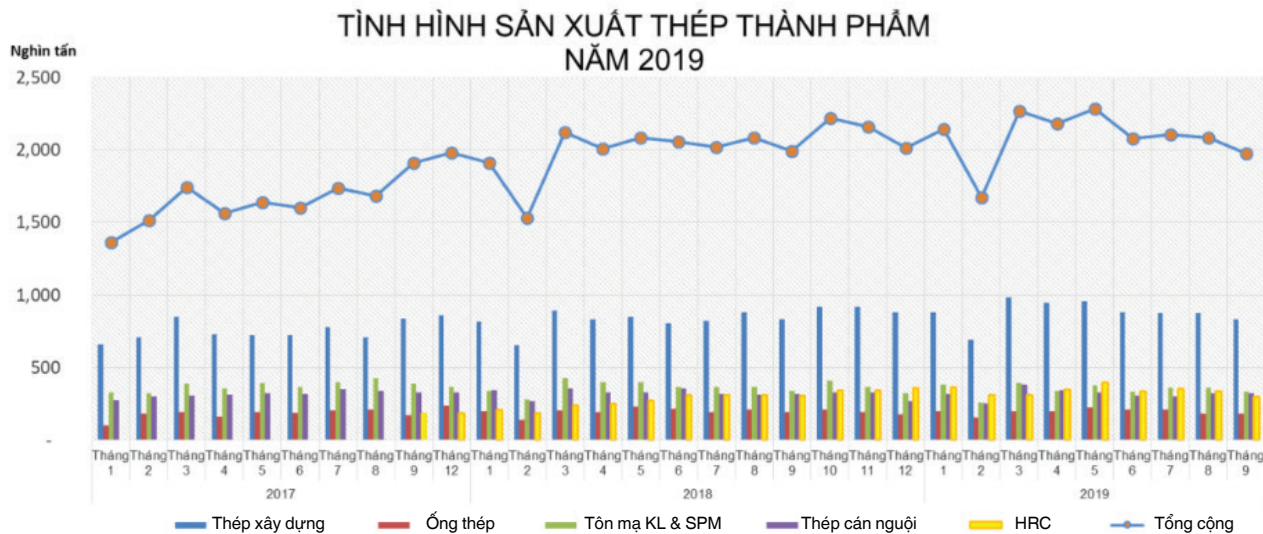
* Projected & currency: Billion KRW

Biểu đồ 5: Doanh thu hàng năm và hành trình tạo ra 1 tỉ tấn thép thô của POSCO kể từ năm 1973
(Đơn vị: Tỉ won -Nguồn: POSCO)

THỊ TRƯỜNG THÉP VIỆT NAM



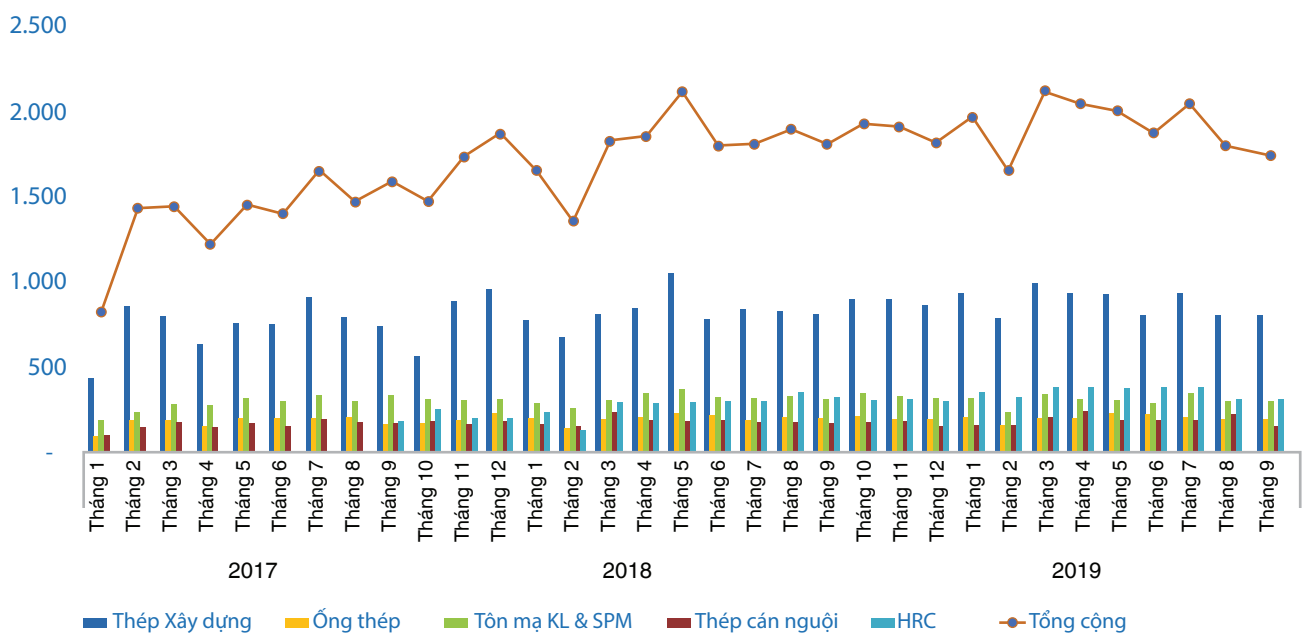
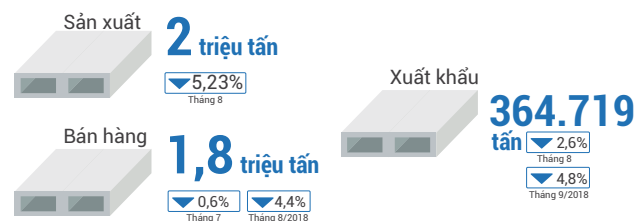
1. Sản lượng thép Việt Nam



Biểu đồ 6: Tình hình sản xuất thép thành phẩm đến tháng 9/2019 (Nguồn: Hiệp hội Thép Việt Nam)

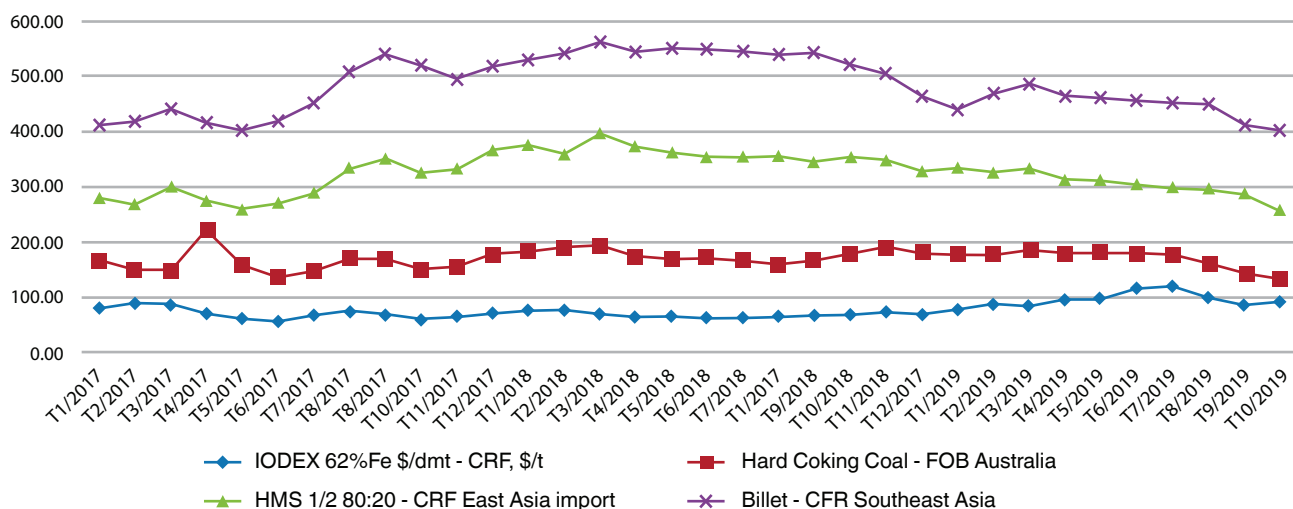
Tháng 9, sản xuất thép đạt gần **2 triệu tấn**, giảm 5,23% so với tháng trước, và xấp xỉ so với cùng kỳ năm ngoái.

Bán hàng đạt hơn **1,8 triệu tấn**, giảm 0,6% so với tháng trước. Trong đó, xuất khẩu thép đạt **364.719 tấn**, giảm 2,6% so với tháng 8 và giảm 4,8% so với cùng kỳ năm ngoái.



Biểu đồ 7: Tình hình bán hàng thép thành phẩm đến tháng 9/2019 (Đơn vị: nghìn tấn - Nguồn: Hiệp hội Thép Việt Nam)

2. Diễn biến giá



Biểu đồ 8: Giá nguyên liệu sản xuất thép năm 2019 (Đơn vị: IODEX: USD/tấn khô-CFR: tiền hàng và cước phí - Nguồn: Hiệp hội Thép Việt Nam)

Quặng sắt loại 62%Fe: Giá quặng sắt ngày 8/10 giao dịch ở mức 94-95 USD/Tấn CFR cảng Thiên Tân, Trung Quốc, tăng khoảng 7-8USD/tấn so với tháng trước.

Than mỡ luyện coke: Giá than mỡ luyện cốc, xuất khẩu tại cảng Úc (giá FOB) ngày 8/10/2019: Hard coking coal: khoảng 130 USD/tấn, giảm 10 USD/tấn so với đầu tháng 9.

Thép phế liệu: Giá thép phế HMS ½ 80:20 nhập khẩu cảng Đông Á ở mức 245-250 USD/tấn CFR Đông Á ngày 8/10, giảm sâu 35-40 USD/tấn so với đầu tháng 9. So với các thị trường khác, giá thép phế khu vực Châu Âu và Châu Á đang có chiều hướng giảm mạnh, trong khi thị trường châu Á có xu hướng đi ngang.

Điện cực graphite: Giá than điện cực mặc dù đã giảm do nguồn cung từ Trung Quốc được cải thiện, giá than điện cực hiện nay trung bình 2.500 - 3.500USD/tấn, tùy chủng loại và chất lượng than điện cực.

Cuộn cán nóng HRC: Giá HRC ngày 7/10 ở mức 454 USD/T, CFR cảng Đông Á, giảm mạnh gần 50 USD/tấn với đầu tháng 6.

3. Tình hình xuất nhập khẩu

a. Nhập khẩu

Tính đến hết 31/8/2019, nhập khẩu thép thành

phẩm các loại đạt hơn 10 triệu tấn. Trong đó nhập khẩu một số sản phẩm thép tăng cao so với cùng kỳ như:

+ Thép hình: 259.238 tấn, tăng 89%

+ Thép cán nguội: 82.444 tấn, tăng 36%

Top 5 các quốc gia cung cấp thép cho Việt Nam lần lượt là Trung Quốc, Nhật Bản, Hàn Quốc, Đài Loan và Ấn Độ

b. Xuất khẩu

Tính đến 31/8/2019, Việt Nam xuất khẩu hơn **5,3 triệu tấn** thép thành phẩm và bán thành phẩm, tăng 8% so với cùng kỳ năm trước. Tổng kim ngạch xuất khẩu 8 tháng đầu năm 2019 đạt hơn **3,5 tỉ USD**.

Xuất khẩu



5,3 triệu tấn

▲ 8%

Tổng kim ngạch xuất khẩu

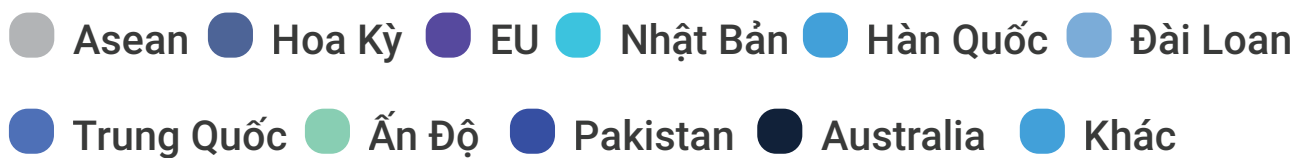
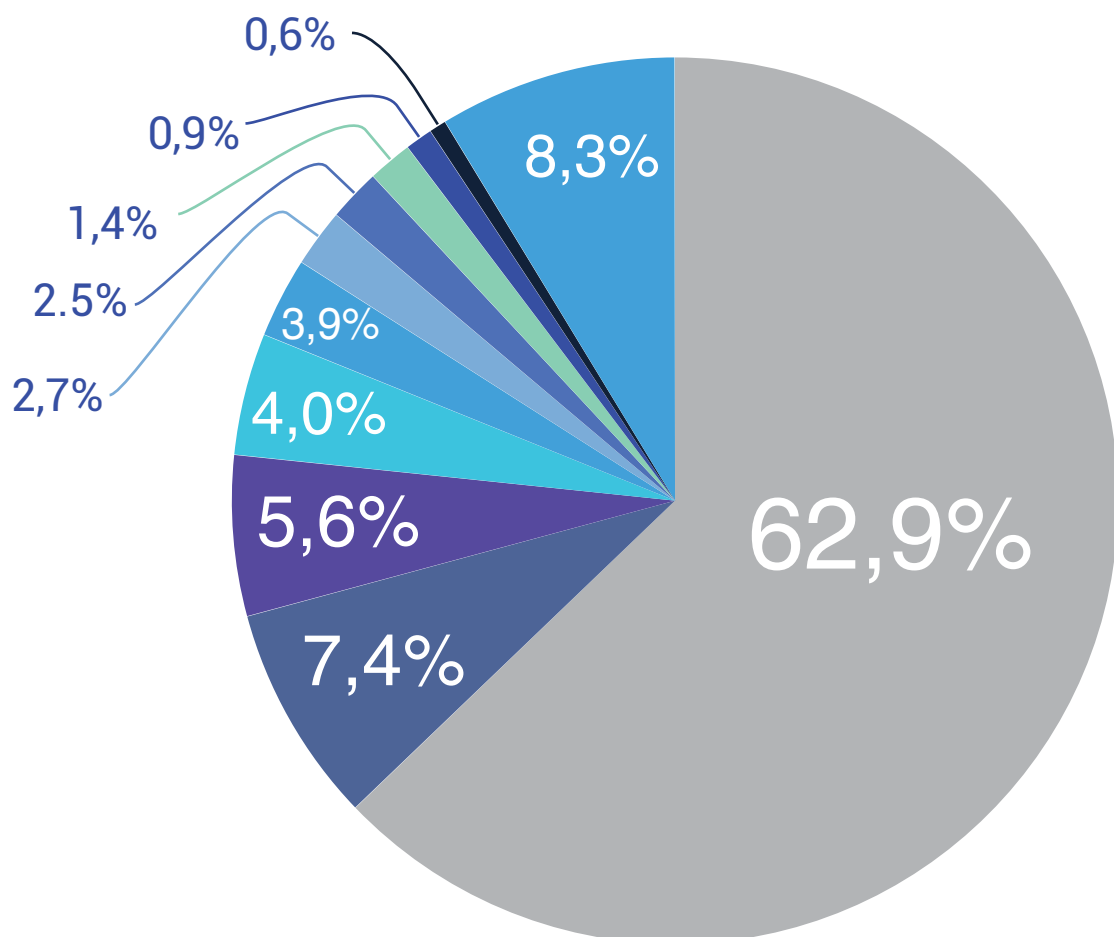


3,5 tỉ USD

Trong đó, xuất khẩu một số sản phẩm thép có ưu thế của Việt Nam lại giảm như:

– Tôn mạ KL&SPM: giảm 16,9%

– Ống thép: giảm 10,4%



Biểu đồ 9: Top 10 quốc gia xuất khẩu thép của Việt Nam 8 tháng đầu năm 2019 (Nguồn: VSA)

Phần 3

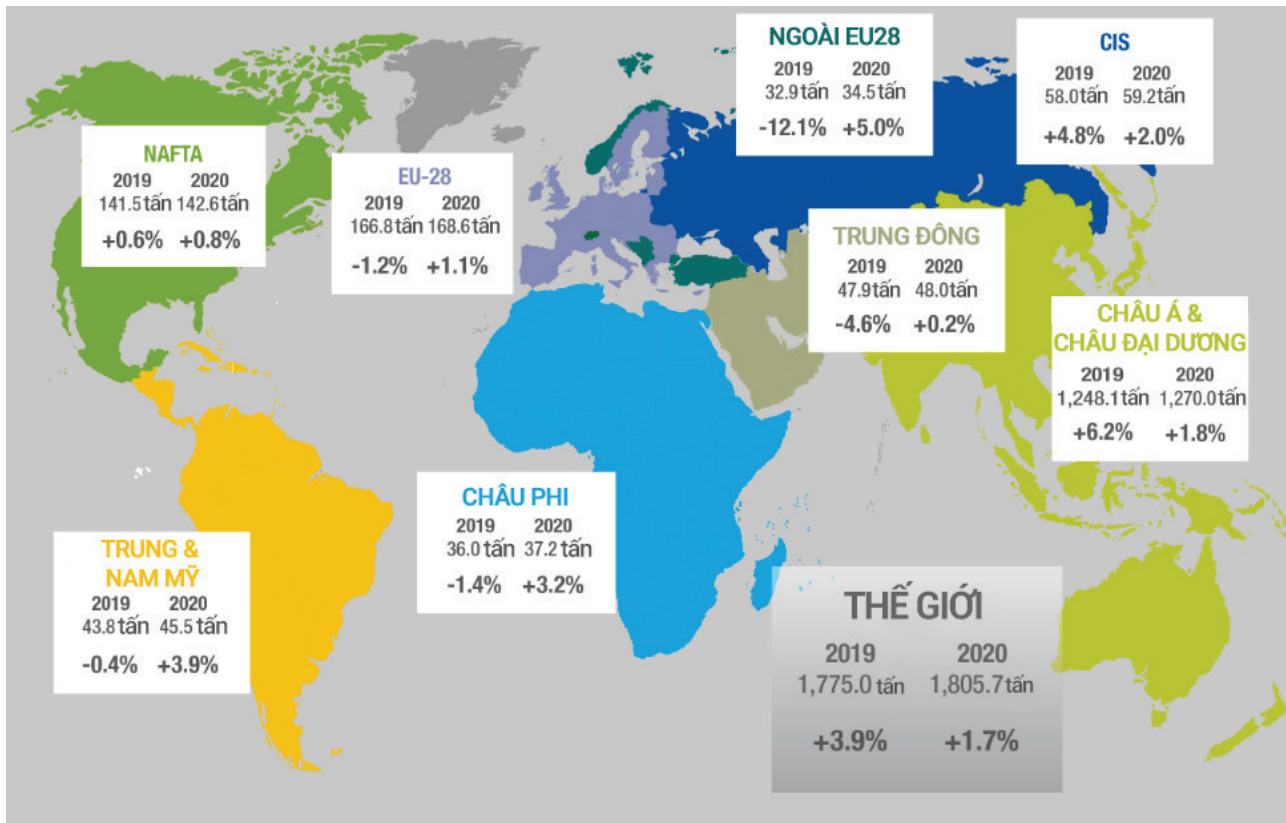
DỰ BÁO



Năm 2019, Hiệp hội thép thế giới (WorldSteel) dự báo nhu cầu thép ở Trung Quốc sẽ tăng 7,8% lên **900 triệu tấn** và phần còn lại của thế giới tăng nhẹ 0,2 % lên 874,9 triệu tấn. Năm 2020, nhu cầu thép của Trung Quốc có thể tăng 1% và phần còn lại của thế giới tăng 2,5%, do

tăng trưởng 4% ở các nền kinh tế mới nổi và đang phát triển (trừ Trung Quốc).

Như vậy, nhu cầu thép toàn cầu sẽ tăng 3,9% lên **1,77 triệu tấn** vào năm 2019 và sẽ tăng thêm 1,7% vào năm 2020, đạt trên **1,8 triệu tấn**.



Biểu đồ 10: Dự báo nhu cầu thép thế giới năm 2019-2020 và mức tăng/giảm so với năm trước (Nguồn: World Steel)

Năm 2019, nền kinh tế Trung Quốc tiếp tục giảm tốc và tăng trưởng GDP dự báo sẽ thấp nhất kể từ 1992. Tuy nhiên, nhu cầu thép của nước này dự báo sẽ tăng 7,8% nhờ lĩnh vực bất động sản tăng trưởng mạnh.

Trong 7 tháng đầu năm 2019, thị trường bất động sản Trung Quốc tăng trưởng mạnh nhất so với cùng kỳ trong ít nhất 5 năm qua nhờ: Việc nới lỏng những chính sách kiểm soát đối với các thành phố loại 2 và loại 4; việc áp dụng tiêu chuẩn xây dựng mới từ tháng 4/2019, đồng thời kéo theo gia tăng sử dụng thép trong các công trình mới xây (tăng 5%).

Ngành công nghiệp ô tô của nước này đi xuống trong suốt 13 tháng qua. Worldsteel dự báo kinh tế Trung Quốc còn tăng chậm lại hơn nữa trong quý IV/2019 và năm 2020 do chưa giải quyết

được những bất đồng về thương mại, thậm chí căng thẳng còn gia tăng.

Có thể Trung Quốc sẽ thực hiện một số chính sách kích thích quy mô nhỏ cho lĩnh vực hạ tầng cơ sở cũng như sức mua tiêu dùng như giảm thuế. Ngành ô tô có thể hưởng lợi từ những chính sách như vậy trong năm 2020 và dự báo nhu cầu thép Trung Quốc sẽ tăng 1%.

Nhu cầu thép của các nền kinh tế mới nổi (ngoại trừ Trung Quốc) dự báo sẽ chỉ tăng 0,4% trong năm 2019 do sự sụt giảm ở Thổ Nhĩ Kỳ, MENA và Mỹ Latinh. Tuy nhiên, tăng trưởng dự báo sẽ hồi phục lên 4% trong năm 2020 do đầu tư vào cơ sở hạ tầng mạnh, nhất là ở Châu Á.

Sau khi tăng trưởng mạnh vào năm 2017 – 2018, ngành chế tạo toàn cầu dự báo sẽ chậm

lại và không tăng trong năm 2019 – 2020 do kinh tế thế giới sa sút và căng thẳng thương mại tiếp diễn ảnh hưởng tới các hoạt động đầu tư.

Sản xuất máy móc cơ khí ở những nước xuất khẩu lớn gồm Trung Quốc, Đức và Nhật Bản dự báo giảm trong năm 2020. Lĩnh vực sản xuất máy móc cơ khí của Trung Quốc dự báo giảm 1% trong năm 2019, mặc dù nhu cầu thay thế mới thiết bị sẽ hỗ trợ một phần cho thị trường này trong hai năm 2019 - 2020.



Phần 4

CHÍNH SÁCH





Mỹ: Ngày 14/10, Tổng thống Mỹ Donald Trump đã ký một lệnh hành pháp xử phạt các quan chức Thổ Nhĩ Kỳ, tăng thuế đối với thép lên tới 50% và ngay lập tức, tạm dừng đàm phán thương mại với nước này.

Hồi tháng 5, Mỹ đã giảm một nửa thuế quan đối với thép nhập khẩu của Thổ Nhĩ Kỳ xuống còn 25%, ngay cả khi nền kinh tế lớn nhất thế giới chấm dứt tình trạng thương mại ưu đãi hiện có với quốc gia này, theo CNBC.



EU: Ngày 10/10, Liên minh châu Âu (EU) áp thuế 50,3% sẽ được áp dụng cho 19 nhà sản xuất từ Trung Quốc, gồm cả Zhejiang Jingu and Xingmin Intelligent Transportation Systems, và mức thuế 66,4% sẽ áp cho các nhà sản xuất còn lại.

Ủy ban châu Âu (EC) cho biết sản phẩm bánh xe thép nhập khẩu bán phá giá từ Trung Quốc đã gây thiệt hại lớn tới các nhà sản xuất của EU. Mức thuế mới, có hiệu lực vào thứ Sáu (11/10), sẽ được áp dụng trong 6 tháng và có thể kéo dài tới 5 năm.



Việt Nam: Ngày 24/10/2019, Bộ Công Thương ban hành Quyết định số 3198/QĐ-BCT áp dụng biện pháp chống bán phá giá (CBPG) đối với một số sản phẩm thép phủ màu (thường gọi là tôn màu) có xuất xứ từ nước Đại Hàn Dân Quốc (Hàn Quốc) và Cộng hòa nhân dân Trung Hoa (Trung Quốc). Theo đó, mức thuế CBPG được áp dụng cho các doanh nghiệp xuất khẩu thép phủ màu của Trung Quốc là từ 2,53% đến 34,27% và của Hàn Quốc là từ 4,71% đến 19,25%.

Bộ Công Thương bắt đầu tiến hành vụ việc điều tra vào tháng 10/2018 trên cơ sở kết quả thẩm định Hồ sơ yêu cầu áp dụng biện pháp CBPG của đại diện ngành sản xuất trong nước nộp vào tháng 8/2018.

Ủy ban châu Âu (EC) cho biết sản phẩm bánh xe thép nhập khẩu bán phá giá từ Trung Quốc đã gây thiệt hại lớn tới các nhà sản xuất của EU. Mức thuế mới, có hiệu lực vào thứ Sáu (11/10), sẽ được áp dụng trong 6 tháng và có thể kéo dài tới 5 năm.

STT	Tên công ty sản xuất, xuất khẩu	Tên công ty thương mại liên quan	Mức thuế chống bán phá giá chính thức
Trung Quốc			
1	Shandong Province Boxing County Juxinyuan Precision	Shandong Julong Steel Plate Co., Ltd	17,43%
2	Yieh Phui (China) Technomaterial Co., Ltd.		2,53%
3	Shandong Zhongtai Steel., Ltd.	Qingdao Shengheng Weiye International Trading Co., Ltd.	16,58%
4	Shandong Sanyi Industry Co.,Ltd.	Shandong Hiking International Ltd.	18,22%
5	Zibo Xincheng Materials Co.,Ltd.	Shandong Hiking International Commerce Group., Ltd	18,36%
6	Shandong Rio Tinto New Material Co., Ltd	Shandong Hiking International Commerce Group Co., Ltd	30,61%
7	Shangdong Boxing County Fada Material Co., Ltd	1. AHCOF International Development Co.,Ltd 2. Wuhan Baolixin Trading Company Limited 3. Qingdao Fortune Land International Trade Co., Ltd	34,27%
8	Wuhan Hanke Color Metal Sheet Co.,Ltd	Wuhan Baolixin Trading Company Limited	34,27%
9	Shandong Ye Hui Coated Steel Co.,Ltd	Shandong Boxing Ying Xiang International Trade Co.,Ltd	13,13%

10	Shandong Boxing Huaye Industry & Trade Co.,Ltd	1. Shandong Gengxiang Import and Export Trade Co.,Ltd 2. Gansu Nuokeda Trading Co., Ltd. 3. Suzhou Yoginat Trading Co.,Ltd 4. Qingdao Fortune Land International Trade Co.,Ltd	34,27%
11	Hangzhou Fuyuanhua Colour Steel Co., Ltd	Hefei Hexing Coated Steel Co.,Ltd	24,24%
12	Jiangsu East Steel Co.,Ltd	-	13,26%
13	Shandong Huijin Color Steel Co.,Ltd	LS (Shanghai) International Trading Co.,Ltd	22,77%
14	Shandong Boxing Fyada New Materials Co.,Ltd	Shandong Glory Import & Export Co.,Ltd	10,17%
15	Shandong Latian Steel Structure Project Co.,Ltd	Shandong Ruichen Industry and Trade Co.,Ltd	21,71%
16	Zhejiang Huada New Materials Co.,Ltd	Hefei Hexing Coated Steel Co.,Ltd	5,60%
17	Bazhou Shengfang Zhixing Pipe Making Co.,Ltd	Qingdao Fortune Land International Trade Co.,Ltd	34,27%
18	Các công ty khác xuất khẩu hàng hóa có xuất xứ từ Trung Quốc		34,27%
Hàn Quốc			
1	Dongkuk Steel Mill Co.,Ltd	SK Networks. Co., Ltd	10,48%
2	Dongbu Incheon Steel	ST. International	4,71%
3	Các công ty khác xuất khẩu hàng hóa có xuất xứ từ Hàn Quốc		19,25%

Bảng 4: Danh sách các nhà sản xuất bị áp thuế tại Trung Quốc và Hàn Quốc.

Ngày 24/10/2019, Bộ Công Thương ban hành Quyết định số 3198/QĐ-BCT áp dụng biện pháp chống bán phá giá (CBPG) đối với một số sản phẩm thép phủ màu (thường gọi là tôn màu) có xuất xứ từ nước Đại Hàn Dân Quốc (Hàn Quốc) và Cộng hòa nhân dân Trung Hoa (Trung Quốc). Theo đó, mức thuế CBPG được áp dụng cho các doanh nghiệp xuất khẩu thép phủ màu của Trung Quốc là từ 2,53% đến 34,27% và của Hàn Quốc là từ 4,71% đến 19,25%.

Bộ Công Thương bắt đầu tiến hành vụ việc điều tra vào tháng 10/2018 trên cơ sở kết quả thẩm định Hồ sơ yêu cầu áp dụng biện pháp CBPG của đại diện ngành sản xuất trong nước nộp vào tháng 8/2018.

Ngày 21/10, Bộ Công Thương ban hành quyết định về kết quả rà soát cuối kì việc áp dụng biện pháp chống bán phá giá (CBPG) đối với một số sản phẩm thép không gỉ cán nguội có xuất xứ từ Trung Quốc, Indonesia, Malaysia và vùng lãnh thổ Đài Loan. Theo đó, biện pháp CBPG được gia hạn thêm 5 năm với mức thuế trong khoảng 10,91 - 37,29%.

Cùng ngày, Cục Phòng vệ thương mại nhận được thông tin về việc Bộ Kinh tế Brazil **chấm dứt biện pháp chống bán phá giá** các sản phẩm thép theo mã HS: 7219.32.00, 7219.33.00, 7219.34.00, 7219.35.00 và 7220.20.00 đối với Việt Nam, Đức, Hàn Quốc, Phần Lan và được gia hạn áp dụng đối với Trung Quốc và Đài Loan (Trung Quốc). Brazil điều tra và áp dụng biện pháp chống bán phá giá từ năm 2013 với mức thuế dành cho các nhà xuất khẩu sản phẩm bị điều tra Việt Nam là 568,27 USD/tấn.

Ngày 18/10, Bộ Thương mại Mỹ (DOC) đã công bố kết luận cuối cùng trong cuộc điều tra về thuế chống bán phá giá và thuế chống trợ cấp đối với thùng chứa bằng thép không gỉ (mã HS 7310.10.0010, 7310.10.0050, 7310.29.0025, and 7310.29.0050) từ Trung Quốc và CHLB Đức. Kết luận nêu ra rằng các nhà xuất khẩu từ các nước này đã bán phá giá thùng chứa bằng thép không gỉ với biên độ từ 0 đến 77,13% cho các nhà sản xuất Trung Quốc và 7,47% cho các nhà sản xuất của CHLB Đức.

Ngoài ra, DOC còn kết luận các nhà xuất khẩu của Trung Quốc đã nhận được trợ cấp với biên độ trợ cấp từ 16,21% đến 145,23%.

Một loạt các biện pháp được đưa ra cùng thời điểm thể hiện việc tăng cường thực thi các biện pháp phòng vệ thương mại là trọng tâm chính của chính quyền Tổng thống Trump. Kể từ khi tổng thống Trump nhậm chức, DOC đã khởi xướng 184 vụ việc điều tra chống bán phá giá và chống trợ cấp mới.

Ngày 16/10, DOC đã công bố quyết định cuối cùng vụ việc điều tra về thuế chống bán phá giá đối với A-xê-ton nhập khẩu từ Singapore và Tây Ban Nha (mã HS là 2914.11.1000 và 2914.11.5000; 3814.00.1000, 3814.00.2000, 3814.00.5010 và 3814.00.5090). Theo đó, DOC cho rằng các nhà xuất khẩu từ các quốc gia này đã bán phá giá sản phẩm nói trên vào thị trường Mỹ với biên độ phá giá tương ứng ở mức từ 66,42% đến 131,75% và 137,39% đến 171,81%.

Cùng ngày, DOC đã công bố quyết định cuối cùng vụ việc điều tra về chống bán phá giá đối với việc nhập khẩu thép sợi các-bon và thép hợp kim từ Thái Lan (mã HS 7318.15.5051, 7318.15.5056, 7318.15.5090, 7318.15.2095 và 7318.19.0000). Theo kết luận, các nhà xuất khẩu từ nước này đã bán phá giá thép sợi carbon và thép hợp kim với biên độ phá giá là 20,83%.

Ngày 7/10, Cục Phòng vệ thương mại (Bộ Công thương) cho biết cơ quan này đang tiếp nhận Hồ sơ đề nghị miễn trừ áp dụng biện pháp tự vệ đối với sản phẩm phôi thép và thép dài.

Cụ thể, căn cứ Quyết định số 2968/QĐ-BCT và Quyết định số 538/QĐ-BCT của Bộ trưởng Bộ Công Thương, biện pháp tự vệ được áp dụng đối với sản phẩm phôi thép và thép dài nhập khẩu là 4 năm kể từ ngày 22/3/2016 đến ngày 21/3/2020, nếu không gia hạn.

Sản phẩm bị áp dụng biện pháp tự vệ có mã HS gồm 7207.11.00; 7207.19.00; 7207.20.29; 7207.20.99; 7224.90.00; 7213.10.10; 7213.10.90; 7213.91.20; 7214.20.31; 7214.20.41; 7227.90.00; 7228.30.10; 9811.00.00 nhập khẩu vào Việt Nam.

Ngày 18/9, Bộ Tài chính đề xuất chưa tăng thuế nhập khẩu đối với thép cuộn cán nóng 72.08 từ 0% lên 5%, nhằm đảm bảo không xáo trộn sản xuất kinh doanh trong nước.

Theo ý kiến của Bộ Công thương, năng lực sản xuất thép cán nóng của Việt Nam chưa đáp ứng nhu cầu trong nước, các doanh nghiệp chủ yếu vẫn phải nhập khẩu thép cán nóng để sản xuất thép cán nguội phục vụ nhu cầu trong nước và xuất khẩu.



Phần 5

TÌNH HÌNH KINH DOANH CỦA CÁC DOANH NGHIỆP VIỆT NAM

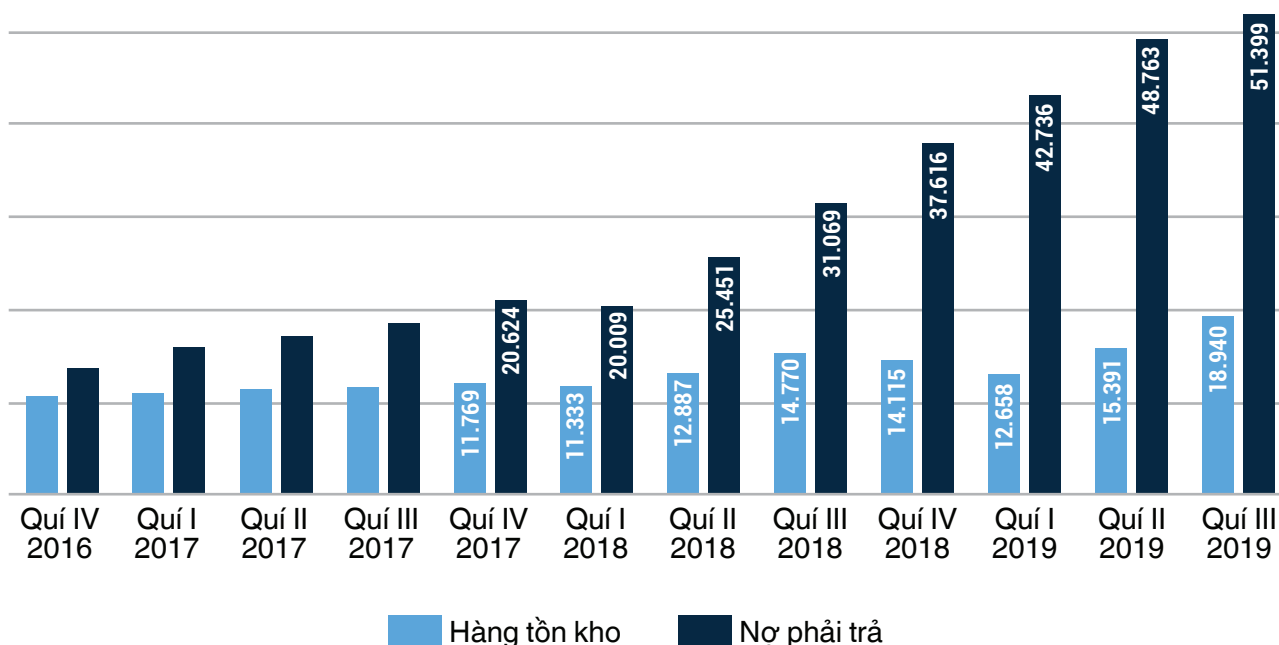


Theo báo cáo tài chính hợp nhất quý III, **CTCP Tập đoàn Hòa Phát** (Mã: HPG) đạt 15.350 tỉ đồng doanh thu, tăng 6,6% so với quý III năm ngoái; lợi nhuận sau thuế đạt 1.794 tỉ đồng, giảm 25,5%. Đây là quý thứ hai liên tiếp Hòa Phát chứng kiến doanh thu tăng và lợi nhuận giảm so với cùng kỳ năm trước.

Lũy kế 9 tháng, Hòa Phát đạt doanh thu khoảng

46.400 tỉ đồng, lợi nhuận sau thuế 5.655 tỉ đồng.

Năm 2019, công ty đặt mục tiêu doanh thu 70.000 tỉ đồng, tăng 23,7% so với thực hiện năm 2018; mục tiêu lãi sau thuế 6.700 tỉ đồng, giảm 22%. Sau 9 tháng, công ty đã thực hiện được 66% kế hoạch doanh thu và 84,4% kế hoạch lợi nhuận.



Biểu đồ 11: Biến động nợ phải trả và hàng tồn kho của Hòa Phát qua các quý (Nguồn: Kiên Dương tổng hợp - Đơn vị: tỉ đồng)

Hòa Phát đang phấn đấu chạy thử lò cao số 2 của Khu liên hợp Dung Quất vào tháng 11 tới. Dự kiến, cuối quý I/2020, Hòa Phát sẽ có sản phẩm thép dẹt cán nóng (HRC) cung cấp cho thị trường.

Về sản lượng, lũy kế 9 tháng Hòa Phát đã cho ra thị trường gần 2 triệu tấn thép, tăng 16,1% so với cùng kỳ năm trước. Thị phần thép Hòa Phát tiếp tục dẫn đầu Việt Nam với 25%.

Sản lượng bán hàng khu vực miền Nam đạt gần gấp đôi cùng kỳ năm trước với 280.000 tấn. Tiếp đó là khu vực miền Trung với gần 300.000 tấn, tăng 53% so với 9 tháng 2018.

Đối với mảng xuất khẩu, thép cuộn của Hòa

Phát được đón nhận ở một số nước trên thế giới như Nhật Bản, Campuchia, Theo Hòa Phát, tổng lượng xuất khẩu từ đầu năm đến nay đã đạt 191.600 tấn, tăng trên 32%, chiếm gần 10% tổng sản lượng bán hàng.

Doanh thu thuần của **CTCP Tập đoàn Hoa Sen** (Mã: HSG) trong quý vừa qua đạt 6.350 tỉ đồng, giảm gần 26% so với cùng kỳ niên độ trước, lợi nhuận sau thuế gần 84 tỉ đồng, trong khi quý IV niên độ trước tập đoàn lỗ ròng gần 102 tỉ đồng (do niên độ tài chính của Hoa Sen bắt đầu từ ngày 1/10 nên quý IV tính từ ngày 1/7 đến 30/9/2019).

Trong niên độ này, Hoa Sen đặt mục tiêu doanh

thu thuần 31.500 tỉ đồng, giảm 9% so với thực tế đạt được trong niên độ trước, mục tiêu lợi nhuận sau thuế 500 tỉ đồng, tăng 22%. Từ đầu năm, Hoa Sen đã dự đoán thị trường ngành thép năm 2019 sẽ tiếp tục đối mặt với nhiều bất lợi.

Việc các nền kinh tế lớn có xu hướng leo thang xung đột thương mại, bảo hộ sản xuất, phá giá tiền tệ, cộng với những bất ổn đối với tình hình kinh tế chính trị thế giới sẽ tiếp tục là những nguyên nhân làm cho giá thép nguyên liệu biến động khó lường, gây ảnh hưởng đến giá vốn của các doanh nghiệp sản xuất thép trong nước cũng như hoạt động xuất khẩu.

Lũy kế cả niên độ tài chính 2018-2019, Hoa Sen ghi nhận doanh thu thuần 28.035 tỉ đồng giảm 18,6% so với niên độ trước – mức giảm cao gấp đôi so với kế hoạch giảm 9%.

Hoa Sen cho rằng các biện pháp tái cơ cấu hệ thống phân phối của công ty có thể giúp lợi nhuận tăng trưởng 22% nhưng thực tế, lãi sau thuế của tập đoàn cũng đi xuống 11%, đạt 361,4 tỉ đồng. Tính chung Hoa Sen chỉ thực hiện 89% kế hoạch doanh thu và 72,3% kế hoạch lãi sau thuế.

Bên cạnh đó, **CTCP Thép Nam Kim** (Mã: NKG) cũng công bố BCTC hợp nhất quý III/2019 với doanh thu thuần hơn 3.068 tỉ đồng, giảm 11,6% so với cùng kì năm ngoái. Lợi nhuận gộp giảm 40% còn 101 tỉ đồng. Biên lợi nhuận gộp đạt 3,3%. Tuy nhiên, chi phí bán hàng giảm mạnh 30 tỉ đồng giúp lãi sau thuế của Nam Kim ghi nhận trên

6 tỉ đồng, cao gấp 6 lần so với cùng kì năm ngoái.

Lũy kế 9 tháng đầu năm, doanh thu thuần đạt 8.975 tỉ đồng, giảm 21% so với cùng kì, thực hiện gần 56% kế hoạch năm.

Diễn biến tiêu cực hơn, **CTCP Thép Pomina** (Mã: POM) ghi nhận hơn 2.966 tỉ đồng doanh thu thuần. Thép Pomina cho biết đang triển khai hai dự án, trong đó dự án lò cao quý II/2020 bắt đầu hoạt động và dự án tôn mới đi vào hoạt động trong quý 2/2019 nên chi phí lãi vay tăng cao so với cùng kì. Kết quả, công ty lỗ sau thuế 119 tỉ đồng, trong khi cùng kì lãi 27 tỉ đồng.

9 tháng đầu năm, công ty đạt 9.151 tỉ đồng doanh thu thuần, giảm hơn 9% so với cùng kì năm ngoái, thực hiện hơn 70% kế hoạch năm. Lỗ sau thuế hơn 252 tỉ đồng.

CTCP Gang thép Thái Nguyên (Tisco - Mã: TIS) ghi nhận 2.160 tỉ đồng doanh thu thuần, lợi nhuận sau thuế vốn vẹn hơn 3 tỉ đồng. Qua đó 9 tháng đầu năm, công ty đạt hơn 7.652 tỉ đồng, giảm 7% so với cùng kì. Lợi nhuận gộp thu về hơn 400 tỉ đồng. Kết quả, công ty lãi sau thuế 41 tỉ đồng, giảm nhẹ so với cùng kì năm ngoái.

Tại thời điểm 30/9, tổng tài sản Tisco đạt 9.938 tỉ đồng, giảm nhẹ so với đầu năm. Tài sản ngắn hạn giảm 26% còn 2.722 tỉ đồng nhờ hàng tồn kho giảm mạnh. Tài sản dài hạn tăng nhẹ lên 7.216 tỉ đồng, chủ yếu là chi phí xây dựng dở dang, riêng Công trình cải tạo giai đoạn 2 chiếm đến 5.287 tỉ đồng.



DANH MỤC BIỂU ĐỒ

Biểu đồ 1: Sản lượng thép theo vùng năm 2018

Biểu đồ 2: Tháng 9, sản lượng thép thô thế giới của 64 quốc gia đạt 151,5 triệu tấn, giảm không đáng kể so với tháng 8 và giảm 0,3% so với cùng kì năm ngoái.

Biểu đồ 3: Sản lượng thép Trung Quốc từ tháng 10/2018 đến hết tháng 9/2019

Biểu đồ 4: Lượng xuất nhập khẩu thép CRC dự kiến đến hết tháng 10

Biểu đồ 5: Doanh thu hàng năm và hành trình tạo ra 1 tỉ tấn thép thô của POSCO kể từ năm 1973

Biểu đồ 6: Tình hình sản xuất thép thành phẩm đến tháng 9/2019

Biểu đồ 7: Tình hình bán hàng thép thành phẩm đến tháng 9/2019

Biểu đồ 8: Giá nguyên liệu sản xuất thép năm 2019

Biểu đồ 9: Top 10 quốc gia xuất khẩu thép của Việt Nam 8 tháng đầu năm 2019

Biểu đồ 10: Dự báo nhu cầu thép thế giới năm 2019-2020 và mức tăng/giảm so với năm trước

Biểu đồ 11: Biến động nợ phải trả và hàng tồn kho của Hòa Phát qua các quý

Bảng 1: Dữ liệu xuất nhập khẩu thép của Trung Quốc tháng 9 và lũy kế 9 tháng đầu năm

Bảng 2: Giá xuất xưởng HRC của các nhà sản xuất thép Trung Quốc trong tháng 9

Bảng 3: Giá thép không gỉ Trung Quốc tính đến hết tháng 9

Bảng 4: Danh sách các nhà sản xuất bị áp thuế tại Trung Quốc và Hàn Quốc

NGUỒN THAM KHẢO

Hiệp hội Thép Việt Nam

Cục Phòng vệ Thương mại

Hiệp hội Thép Thế giới

Hiệp hội Sắt Thép Đông Nam Á

Steel360

FPTS

Bloomberg

Vinanet

McKinsey

Statista

Global Trade Atlas

Bộ Thương mại Mỹ

Steelhome

Nikkei

BẢN QUYỀN

Báo cáo “Thị trường thép Quý III năm 2019” được phóng viên mục Hàng hóa của VietnamBiz tổng hợp và trình bày. Sử dụng thông tin và số liệu Các số liệu, thông tin và những phân tích được tổng hợp trong báo cáo “Thị trường thép Quý III/2019” chỉ nhằm mục đích cung cấp thông tin và không được sử dụng như lời khuyên cho việc tư vấn kinh doanh, tài chính và những lĩnh vực chuyên nghiệp khác.

TUYÊN BỐ MIỄN TRỪ TRÁCH NHIỆM

Thông tin và tài liệu trong báo cáo được nỗ lực tổng hợp dưới dạng sẵn có một cách chính xác nhất có thể. Tuy nhiên, tác giả không đảm bảo tính chính xác, sự thích hợp hay đầy đủ của các thông tin và số liệu, đồng thời tuyên bố miễn trừ hoàn toàn trách nhiệm đối với các lỗi hoặc thiếu sót trong các thông tin và số liệu này.

GIỚI HẠN TRÁCH NHIỆM

VietnamBiz sẽ không chịu trách nhiệm bồi thường đối với bất kỳ chi phí, tổn thất hoặc thiệt hại nào cho dù trực tiếp hay gián tiếp, có liên quan tới hoặc là hậu quả của việc sử dụng báo cáo, hoặc liên quan tới những thiếu sót, sai sót.



Địa chỉ: Lầu 3 - Tòa nhà Compa Building - 293 Điện Biên Phủ - P. 15 - Q. Bình Thạnh - TP.HCM

Chi nhánh: Số 5 - Khu 38A Trần Phú - P. Điện Biên - Q. Ba Đình - Hà Nội

Hotline: 0938.189.222 **Email:** info@vietnambiz.vn

Vận hành bởi  VIETNEWS CORP